

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/HSST

Ngày: 18/9/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn

Ông Đoàn Ngọc Minh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thanh Trúc –
Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông
Nguyễn Quốc Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp
mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 20/2017/HSST ngày 28
tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

LÊ VĂN S

- Tên gọi khác: SM;
- Sinh năm 1960;
- HKTT: Ấp T, xã H, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.
- Nghề nghiệp: Mua bán;
- Trình độ học vấn: 4/12;
- Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không;
- Con ông Lê Văn S1, sinh năm 1938 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị H1
(tên gọi khác là Lê Thị K), sinh 1940 (đã chết).
- Có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình.

- Vợ: Mai Thị L, sinh năm 1967, đã ly hôn vào năm 2013. Bị cáo khai năm 2015 cho đến ngày bị bắt, bị cáo chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị B, sinh năm 1966 (Tên gọi khác: Nguyễn Thị L1) nhưng không đăng ký kết hôn.

- Có 01 người con sinh năm 1988 (con chung của bị cáo S và L).
- Tiền án, tiền sự: Không;
- Lệnh bắt bị cáo để tạm giam: Ngày 15/01/2013;
- Quyết định truy nã: Ngày 24/4/2013;
- Bắt theo lệnh truy nã và tạm giữ: Ngày 17/01/2017;
- Tạm giam: Ngày 23/01/2017;
- Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

1/ Nguyễn Văn G, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: A, xã B1, huyện T2, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Phạm Minh C, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: A1, ấp X, xã T3, huyện C1, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Mai Thị L, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Lê Bảo X1, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Lê Thị L2, sinh năm 1957 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T4, xã K1, huyện C2, tỉnh Tiền Giang.

4/ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ: số A2, G1, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn C2– Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Lê Văn S bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 30/7/2012 Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên ĐT G2 (viết tắt là Công ty G2) có trụ sở tại số A3, ấp T5, xã T6, huyện L3, tỉnh Đồng Tháp, do ông Nguyễn Văn G làm Giám đốc có ký hợp đồng bán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất, thương mại PQ (viết tắt là Công ty PQ) có trụ sở tại Khu công nghiệp L4, xã L4, huyện C3, Long An 500 tấn gạo 5% tấm với giá 8.150đ/kg.

Ngày 04/8/2012 ông Nguyễn Văn G - Giám đốc Công ty G2 thuê bị cáo Lê Văn S vận chuyển 85 tấn gạo 5% tấm, trị giá 692.750.000 đồng (85 tấn = 8.500kg x 8.150đ/kg = 692.750.000 đồng) từ Công ty G2 đem giao cho Công ty PQ theo hợp đồng mua bán đã ký kết giữa 02 bên. Hợp đồng vận chuyển giữa ông G và bị cáo S được giao kết bằng lời nói.

Ngày 05/8/2012, Lê Văn S điều khiển phương tiện thủy bằng gỗ, số đăng ký VL - XXXXX do Sáu đứng tên chủ sở hữu đến Công ty G2 nhận 1.700 bao gạo 5% tấm, mỗi bao 50kg = 8.500kg (85 tấn). Người giao số gạo này cho S là Nguyễn T7- nhân viên Công ty G2, khi nhận gạo S có ký vào bảng kê số lượng và phiếu xuất kho của Công ty G2. Sau khi nhận gạo xong, cùng ngày S điều khiển phương tiện chở gạo giao cho Công ty PQ, đi cùng với S còn có Mai Thị L là vợ của S và Lê Bảo X1 là con của S.

Trên đường vận chuyển 85 tấn gạo giao cho Công ty PQ, bị cáo S nảy sinh ý định chiếm đoạt số gạo này nên sáng ngày 06/8/2012 khi đi đến Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại ĐP (viết tắt là Công ty ĐP) có trụ sở tại ấp T4, xã K1, huyện C2, tỉnh Tiền Giang, do bà Lê Thị L1 làm Giám đốc. S điều khiển phương tiện ghé vào Công ty ĐP và thỏa thuận bán 85 tấn gạo cho bà L1 với số tiền 680.426.000 đồng. Sau khi bán gạo xong, S bỏ mặc vợ, con, lấy hết số tiền bán gạo trốn về Vĩnh Long ngủ qua đêm. Sáng ngày 07/8/2012 S đi xe đồ đến Thị xã C4, tỉnh An Giang và trốn sang Campuchia. Khi qua Campuchia. S tham gia đánh bạc với hình thức đá gà ăn thua bằng tiền và đã thua hết số tiền bán gạo, sau đó S trở về Việt Nam và tiếp tục lẩn trốn tại tỉnh Bình Dương. Đến năm 2015 S quen biết với Nguyễn Thị B, sinh năm 1966, tên gọi khác là Nguyễn Thị L1, ngụ ấp A, xã L5, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, S về đây chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị B nhưng không đăng ký kết hôn, không đăng ký tạm trú

nhằm trốn tránh sự truy bắt của cơ quan Công an. Đến ngày 17/01/2017, S bị Phòng Cảnh sát truy nã tội phạm Công an tỉnh Đồng Tháp bắt giữ theo Quyết định truy nã số 06/PC46 ngày 24/4/2013 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi thấy S giao gạo cho Công ty ĐP nhưng chờ mãi không thấy S quay trở lại nên Mai Thị L (vợ của S) và Lê Bảo X1 (con của S) điều khiển ghe về nhà ở tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 07/8/2012, Công ty G2 phát hiện S đã bán hết số gạo và bỏ trốn khỏi địa phương, nên ông Nguyễn Văn G - Giám đốc Công ty G2 đã làm đơn tố cáo hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của S với Công an tỉnh Đồng Tháp. Trong quá trình điều tra, ông Nguyễn Văn G, nguyên là Giám đốc và ông Phạm Minh C, nguyên là Chủ tịch Công ty G2 (Công ty này đã giải thể vào năm 2016) yêu cầu bị cáo Lê Văn S bồi thường 85 tấn gạo đã chiếm đoạt của hai ông với số tiền là 692.750.000 đồng, trong đó mỗi người được hưởng 50% số tiền này. Bị cáo S đồng ý bồi thường số tiền này cho ông G và ông C.

Để bảo đảm việc thi hành án đối với phần trách nhiệm bồi thường thiệt hại của bị cáo S, Cơ quan điều tra đã tiến hành kê biên 225m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã H, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long, thuộc quyền sử dụng của bị cáo S. Tại biên bản và kết luận định giá tài sản số 81/HĐĐGTS ngày 30/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Đồng Tháp kết luận 225m² đất mà Cơ quan điều tra đã kê biên trị giá 45 triệu đồng.

Riêng đối với chiếc ghe bằng gỗ, số đăng ký VL - XXXXXX do vợ chồng S đã thế chấp cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện T1 để vay 400 triệu đồng. Ngày 28/12/2013 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện T1 đã bán đấu giá chiếc ghe này với số tiền 466.100.000 đồng để thu hồi số nợ 498.890.000 đồng (vốn 400.000.000 đồng, lãi 98.890.000 đồng) mà vợ chồng S phải thanh toán cho Ngân hàng.

Theo Cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Lê Văn S về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn S phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn S với mức án từ 13 năm đến 15 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo hoàn trả cho ông Nguyễn Văn G và ông Phạm Minh C, 85 tấn gạo với số tiền là 692.750.000 đồng, mỗi người được hưởng 50% số tiền này.

Về xử lý tài sản kê biên: Tiếp tục kê biên 225 m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã H, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long, theo định giá là 45.000.000đ để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Bị cáo Lê Văn S là người đứng tên sở hữu chiếc ghe bằng gỗ, số đăng ký VL – XXXXX. Bị cáo cùng với Mai Thị L (vợ của bị cáo) và Lê Bảo X1 (con của bị cáo) sinh sống trên ghe để đi nhận vận chuyển thuê. Như vậy bị cáo cũng có công ăn việc làm ổn định và có thu nhập thường xuyên để lo cho bản thân và gia đình. Nhưng bị cáo lại lợi dụng sự tin tưởng của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên ĐT G2 (viết tắt là Công ty G2) có trụ sở tại số A3, ấp T5, xã T6, huyện L3, do ông Nguyễn Văn G làm Giám đốc. Ông G thuê bị cáo vận chuyển 3 chuyến gạo mỗi chuyến tiền công 5.000.000đ. Bị cáo nhận vận chuyển gạo từ Công ty G2 đem giao cho Công ty PQ theo hợp đồng mua bán đã ký kết giữa 02 bên. Ngày 05/8/2012 là chuyến thứ 3, bị cáo điều khiển phương tiện để nhận 1.700 bao gạo 5% tằm, mỗi bao 50kg = 8.500kg (85 tấn). Người giao số gạo cho bị cáo nhận là Nguyễn T7 (là nhân viên Công ty G2). Khi nhận gạo bị cáo có ký vào bảng kê số lượng và phiếu xuất kho của Công ty G2. Do tin tưởng như 02 chuyến trước nên ông G không cho người đi theo bị cáo.

Nhưng trên đường vận chuyển gạo để giao gạo cho Công ty PQ. Bị cáo lại nảy sinh ý định chiếm đoạt số gạo mà bị cáo đã nhận vận chuyển. Sáng ngày 06/8/2012 bị cáo điều khiển ghe đi ngang Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại ĐP, có trụ sở tại ấp T4, xã K1, huyện C2, tỉnh Tiền Giang, do bà Lê Thị L1 làm Giám đốc. Bị cáo điều khiển phương tiện ghé vào và chính bị cáo thỏa thuận bán 85 tấn gạo cho bà L1 với số tiền 680.426.000đ. Việc bị cáo bán gạo không bàn với Mai Thị L là vợ và Lê Bảo X1 là con của bị cáo có mặt trên ghe. Sau khi bán gạo xong, bị cáo bỏ mặc vợ, con ở trên ghe chờ. Bị cáo khai sau khi lấy tiền bán gạo bị cáo đem tiền đi về Vĩnh Long và thuê nhà trọ ngủ qua đêm. Đến sáng

ngày 07/8/2012 bị cáo đi xe đồ đến Thị xã C4, tỉnh An Giang và trốn sang Campuchia tham gia đánh bạc. Bị cáo khai tại Campuchia bị cáo thuê nhà trọ và cất giữ gần 700 triệu trong người, bị cáo tham gia mỗi trận đá gà 3.000.000đ. Bị cáo khai sống ở Campuchia 2 tháng và chỉ có tham gia đá gà mà thua hết tiền. Sau đó bị cáo trở về Bình Dương, Đồng Nai làm thuê sinh sống và có vợ cho đến ngày bị bắt theo lệnh truy nã. Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn S đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

Tại điểm a khoản 4 điều 140 Bộ luật hình sự quy định:

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân.

a/ Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã có công ăn việc làm ổn định cùng vợ con, nhưng bị cáo lại sa vào cờ bạc, muốn có tiền để sống theo sở thích cá nhân. Bị cáo đã lợi dụng sự tín nhiệm của người bị hại thuê vận chuyển gạo để chiếm đoạt tài sản. Trong khi bị cáo cũng nhận biết số gạo mà bị hại giao cho bị cáo có trách nhiệm vận chuyển là để người bị hại bán hàng theo hợp đồng. Bị cáo lại lợi dụng sự tín nhiệm của bị hại để chiếm đoạt là vi phạm pháp luật. Bị cáo chiếm đoạt số tiền rất lớn từ năm 2012 và bỏ trốn một thời gian rất dài mới bị bắt theo lệnh truy nã. Nếu không bị bắt theo lệnh truy nã thì bị cáo vẫn sống ngoài vòng pháp luật. Ngoài ra sau khi bị bắt bị cáo chỉ khai đá gà thua hết số tiền chiếm đoạt mà không khai cất giấu ở đâu, có mua tài sản gì không để cơ quan điều tra thu hồi và xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo chỉ có thửa đất diện tích 225m² trị giá 45.000.000đ và hoàn toàn không còn khả năng để khắc phục cho bị hại. Ngoài ra bị cáo còn vay mượn của ông Mai Văn T8 số tiền 230.000.000đ cũng không có khả năng khắc phục, nhưng là tiền vay mượn nên không giải quyết trong vụ án này

Bị cáo Lê Văn S là người đã trưởng thành có vợ có con và bị cáo nhận thức được việc làm của bị cáo là vi phạm pháp luật. Nhưng bị cáo vẫn thực hiện việc chiếm đoạt số tiền rất lớn của người bị hại. Sau khi chiếm đoạt tài sản của người bị hại thì bị cáo sống với bà Nguyễn Thị B tại ấp A, xã L5, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Bị cáo nói với B thiếu nợ bỏ địa phương nên không đăng ký kết hôn, không đăng ký tạm trú để trốn tránh sự truy bắt của cơ quan Công an. Bị cáo

sống ngoài vòng pháp luật một thời gian dài không ra đầu thú và nộp lại số tiền chiếm đoạt để hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật. Bị cáo đã gây ra cho người bị hại gặp khó khăn trong việc kinh doanh, làm mất uy tín với đối tác và làm mất hết vốn không còn kinh doanh. Tại phiên tòa người bị hại đề nghị xử lý bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc theo qui định của pháp luật. Nên cần có một mức án nghiêm khắc để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, giúp ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

Nhưng hội đồng xét xử xét thấy khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo còn một phần tài sản nhỏ để khắc phục, bị cáo có ông ngoại là liệt sĩ, bà ngoại là người có công với cách mạng được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất và áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017, vì điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm, nhẹ hơn điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân, nên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt theo qui định của pháp luật.

* Đối với Mai Thị L (vợ của bị cáo Sáu), Lê Bảo X1 (con của bị cáo): Quá trình điều tra chưa chứng minh được bà L, X1 đồng phạm với bị cáo chiếm đoạt 85 tấn gạo của Công ty G2. Nên chưa truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà L, X1 cũng như chưa có căn cứ để buộc liên đới bồi thường dân sự cho người bị hại.

* Đối với Lê Thị L1 (Giám đốc Công ty ĐP): Do khi mua 85 tấn gạo của bị cáo S bán. Bà L1 không biết đây là tài sản do bị cáo S phạm tội mà có, nên chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với bà L1.

* Đối với hành vi đánh bạc của bị cáo S, bị cáo khai đánh ở Campuchia 2 tháng và chỉ có duy nhất lời khai của bị cáo S. Cơ quan điều tra chưa đủ cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo về tội đánh bạc để giải quyết trong vụ án này.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Văn S chiếm đoạt của Công ty Cổ phần G2 do ông Nguyễn Văn G và ông Phạm Minh C là thành viên đồng sở hữu 85 tấn gạo tương đương với giá trị định giá 692.750.000 đồng, bị cáo chưa bồi thường được khoản tiền nào. Hiện tại Công ty G2 đã giải thể, do đó bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho thành viên sáng lập công ty G2 tại thời điểm bị cáo chiếm đoạt gạo là ông Nguyễn Văn G và anh Phạm Minh C. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho ông G và anh C số tiền 692.750.000 đồng

(Mỗi người được hưởng 50% số tiền này) theo yêu cầu của ông G và anh C là có căn cứ để chấp nhận.

Về xử lý tài sản kê biên: Đối với thửa đất số 125, tờ bản đồ 42, diện tích 225m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã H, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long do Lê Văn S và Mai Thị L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 30/6/2014, nhưng diện tích đất này là thuộc sở hữu của bị cáo Lê Văn S nên tiếp tục kê biên, bán đấu giá bảo đảm thi hành án cho bị cáo. Vì năm 2013 chị Mai Thị L làm đơn xin ly hôn bị cáo cũng thừa nhận chị L không có tài sản. Còn Lê Bảo X1 (con của bị cáo) quá trình điều tra cũng thống nhất bán thửa đất để khắc phục số tiền mà bị cáo chiếm đoạt, để giảm hình phạt cho bị cáo.

Riêng đối với chiếc ghe bằng gỗ, số đăng ký VL - XXXXX do vợ chồng bị cáo đã thế chấp cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện T1 để vay 400 triệu đồng. Ngày 28/12/2013 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện T1 đã bán đấu giá chiếc ghe này với số tiền 466.100.000 đồng để thu hồi số nợ 498.890.000 đồng (vốn 400.000.000 đồng, lãi 98.890.000 đồng) mà vợ chồng S phải thanh toán cho Ngân hàng còn thiếu, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp án phí theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn S phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 140, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn S 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/01/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lê Văn S bồi thường cho:

1. Ông Nguyễn Văn G số tiền 346.375.000đ.
2. Anh Phạm Minh C số tiền 346.375.000đ.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của ông G và anh C, mà bị cáo chưa thi hành khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành tương đương với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

Về xử lý tài sản kê biên: Áp dụng Điều 146 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tiếp tục kê biên đối với thửa đất số 125, tờ bản đồ 42, diện tích 225m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã H, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long do Lê Văn S và Mai Thị L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 30/6/2014 để bảo đảm thi hành án cho bị cáo.

Về án phí: Bị cáo Lê Văn S phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 31.710.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân Cấp Cao tại thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân Cấp Cao tại thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh ĐT;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh ĐT;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đồng Tháp;
- Phụng KTNV – THA TA tỉnh ĐT;
- Phòng nghiệp vụ hồ sơ CA tỉnh ĐT;
- Bị cáo, người bị hại, người QL,NVLQ;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (T.Em).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai

